

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Ông Thái Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PB, xã P, huyện G, tỉnh Tn;

Tạm trú: Nhà trọ Hải Vân thuộc ấp PB, xã P, huyện G, tỉnh Tn.

- Bị đơn: Anh Trần Hoàng V, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PB, xã P, huyện G, tỉnh Tn.

Chị L và anh V đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-11-2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Hoàng V chung sống với nhau từ năm 2012, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh V có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.

Sau khi kết hôn, chị và anh V sống chung với mẹ chồng tại ấp PB, xã P,

huyện G, tỉnh Tn. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu, bắt đầu chơi bời gây ra nợ nần, mẹ chồng phải bán nhà để trả nợ cho anh V. Chị có khuyên nhưng anh V không nghe mà còn chửi mắng chị và cha mẹ ruột chị. Chị đã nhiều lần tha thứ và cho anh V cơ hội nhưng anh V vẫn không sửa đổi, nợ nần ngày càng nhiều. Sau khi bán nhà trả nợ cho anh V, cả gia đình ra thuê nhà trọ sinh sống từ năm 2020. Trong thời gian này, giữa chị và mẹ chồng cũng phát sinh mâu thuẫn nên chị quyết định ra thuê nhà trọ ở riêng cùng 02 con, còn anh V thì đi nơi khác làm ăn không nói địa chỉ cụ thể cho chị biết. Chị và anh V sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Từ ngày sống ly thân, anh V thường xuyên gọi điện và có về thăm các con nhưng mỗi lần về đều say sấn và kiếm chuyện chửi mắng chị. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh V.

Về nuôi con: Chị và anh V có 02 người con chung tên Trần Hoàng Gia H, sinh ngày 08-01-2014 và Trần Hoàng Gia T, sinh ngày 13-10-2017. Hiện 02 cháu đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Chị yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được. Đối với cháu H, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh V chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh V thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh V;

Về con chung: giao cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Hoàng Gia H, sinh ngày 08-01-2014 và Trần Hoàng Gia T, sinh ngày 13-10-2017. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Trần Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Phạm Thị L và anh Trần Hoàng V là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị L thì nguyên nhân là do anh V thường xuyên uống rượu, bắt đầu ăn chơi gây ra nợ nần. Hơn nữa, quan hệ giữa chị và mẹ chồng cũng có sự bất đồng nên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2021, anh chị sống ly thân cho đến nay và mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn khi tình cảm không được vun đắp mà mỗi lần nhậu say anh V còn hay kiểm chuyện chửi mắng chị. Từ khi chị L nộp đơn ly hôn đến nay, mặc dù có thông báo cho anh V biết và anh V đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh V cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung tên Trần Hoàng Gia H, sinh ngày 08-01-2014 và Trần Hoàng Gia T, sinh ngày 13-10-2017. Hiện cả hai đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu T.

[3.2] Xét yêu cầu của chị L thì thấy: Từ khi chị L và anh V sống ly thân, 02 người con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay chị L có **nghề nghiệp và thu nhập ổn định** nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu H là được sống cùng với chị L. Còn anh V thì không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu H và cháu T là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thì hiện anh V đang có việc làm và không có bất kỳ hạn chế nào về sức lao động và khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên chị L yêu cầu anh V cấp dưỡng cho cháu T hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng

lao động, tự sinh sống được là phù hợp với nhu cầu phát triển của cháu T và quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L.

Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho cháu H nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị L khai không có, chị L và anh V đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị L khai không có, chị L và anh V đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Trần Hoàng V. Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Hoàng V.

2. Về nuôi con: Giao cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Trần Hoàng Gia H, sinh ngày 08-01-2014 và Trần Hoàng Gia T, sinh ngày 13-10-2017. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng từ tháng 9-2022 cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu số 0024052 ngày 09-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG